2026-10-22 CSCA30_De_06_Cau_010

Mã bài CSCA30_De_06_Cau_010
Đề 06 · Câu 010 · Ngày 2026-10-22
Chương 12 - Vectơ không gian · Dễ

Kết quả / 答案 B

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：坐标差 $(0,0,2)$。
→ 原理：向量 (x,y) 的模 $\sqrt{x^2+y^2}$；两点构成的向量坐标为"终点减起点"。
第2步：$d=2$。
→ 原理：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。
说明：两点间的位移向量为 $(1-1,2-2,5-3)=(0,0,2)$。距离等于该向量的模，即 $d=\sqrt{0^2+0^2+2^2}=2$。
结论：选 B。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Vectơ nối hai điểm: $(1-1,\ 2-2,\ 5-3)=(0,0,2)$.
→ Lý thuyết: Độ dài vectơ $\vec{v}=(x,y)$ là $|\vec{v}|=\sqrt{x^2+y^2}$ (trong không gian thêm z^2); vectơ nối hai điểm có tọa độ "điểm cuối trừ điểm đầu".
Bước 2 – Khoảng cách: $d=\sqrt{0^2+0^2+2^2}=2$.
→ Lý thuyết: Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$. Phương trình chứa bình phương thường cho hai nghiệm, phải lấy đủ.
Nhận xét: Vectơ nối hai điểm là $(1-1,2-2,5-3)=(0,0,2)$. Khoảng cách bằng độ dài vectơ: $d=\sqrt{0^2+0^2+2^2}=2$.
Kết luận: chọn B.

Mở đề bài / 查看题目